PHẦN VĂN BẢN KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ [1]
Quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện

Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2013, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013.

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012 và các văn bản quy định chi tiết Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định chi tiết một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

---

[1] Văn bản này được hợp nhất từ 02 Thông tư sau:

Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2013;

Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013.

Văn bản hợp nhất này không thay thế 02 Thông tư nêu trên.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định cụ thể áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện như sau:[2]

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi áp dụng

1. Áp dụng chế độ ưu tiên trong quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện quy định tại Thông tư này.

2. Ngoài các ưu tiên được hưởng theo quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp còn được hưởng các ưu tiên khác trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của pháp luật.

3. Doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp ưu tiên) được hưởng chế độ ưu tiên quy định tại Thông tư này ở tất cả các đơn vị hải quan trong toàn quốc,

---

[2] Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có căn cứ ban hành như sau:

"*Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;*

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29 tháng 11 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 154/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều của Luật hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan;

Căn cứ Nghị định số 87/2012/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2012 quy định chi tiết một số Điều của Luật Hải quan về thủ tục hải quan điện tử đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thương mại;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính.

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện như sau:"

cả trong giai đoạn làm thủ tục thông quan hàng hóa và giai đoạn kiểm tra sau thông quan.

4. Khi được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên thì tất cả hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp quy định tại Điều 2 dưới đây được hưởng chế độ ưu tiên tương ứng quy định tại Chương 4 Thông tư này (trừ hàng hóa do doanh nghiệp xuất khẩu, nhập khẩu ủy thác cho các doanh nghiệp khác).

Điều 2. Các loại doanh nghiệp ưu tiên

Doanh nghiệp ưu tiên gồm ba loại:

1. Doanh nghiệp được ưu tiên trong xuất khẩu, nhập khẩu tất cả các mặt hàng, loại hình xuất khẩu, nhập khẩu.

2. Doanh nghiệp được ưu tiên trong xuất khẩu hàng hóa là nông sản, thủy sản, dệt may, da giày và nhập khẩu hàng hóa là nguyên phụ liệu để sản xuất hàng hóa xuất khẩu nêu trên.

3. Doanh nghiệp được Bộ Khoa học và Công nghệ cấp giấy chứng nhận là doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của Luật Công nghệ cao được ưu tiên trong nhập khẩu hàng hóa phục vụ sản xuất; xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao.

Chương II
ĐIỀU KIỆN DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Doanh nghiệp được xét chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện từ Điều 3 đến Điều 9 dưới đây:

Điều 3. Điều kiện về tuân thủ pháp luật

1. Thời hạn đánh giá quá trình tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp là 24 (hai mươi bốn) tháng trở về trước, kể từ ngày Tổng cục Hải quan nhận được văn bản của doanh nghiệp đề nghị được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

2. Trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều này, doanh nghiệp không vi phạm các pháp luật về thuế, hải quan tới mức bị xử lý về một trong những hành vi dưới đây được coi là đáp ứng điều kiện tuân thủ pháp luật:

2.1. Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu không đúng quy định của pháp luật.

2.2. Bị xử lý về hành vi trốn thuế, gian lận thuế, buôn lậu, vận chuyển trái phép hàng hóa qua biên giới;

2.3. Quá 3 (ba) lần bị các cơ quan hải quan, cơ quan thuế xử lý hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp, tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn với mức xử phạt vi phạm hành chính bằng tiền mỗi lần vượt quá thẩm quyền của Chi cục trưởng hoặc các chức danh tương đương theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

2.4. Bị cơ quan hải quan xử lý hành chính về hành vi không chấp hành yêu cầu của cơ quan hải quan trong kiểm tra hải quan, cung cấp thông tin, hồ sơ doanh nghiệp.

Điều 4. Điều kiện về thanh toán

Thực hiện thanh toán các lô hàng xuất khẩu, nhập khẩu theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước. Thanh toán thuế qua ngân hàng hoặc kho bạc.

Điều 5. Điều kiện về kế toán, tài chính

Áp dụng chuẩn mực kế toán được Bộ Tài chính chấp nhận. Mọi hoạt động kinh tế phải được phản ánh đầy đủ trong sổ kế toán. Báo cáo tài chính hàng năm được công ty kiểm toán đủ điều kiện chấp nhận các nội dung trọng yếu và đánh giá hoạt động kinh doanh có hiệu quả, không có khoản nợ thuế quá hạn trong 2 (hai) năm liền kề năm xem xét.

Điều 6. Điều kiện về kim ngạch

1. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư này: kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu tối thiểu đạt 200 (hai trăm) triệu USD/năm.

2. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư này: kim ngạch xuất khẩu tối thiểu đạt 50 (năm mươi) triệu USD/năm.

3. Đối với doanh nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư này, không quy định kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu.

4. Kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu quy định tại khoản 1 và 2 Điều này là kim ngạch bình quân trong 2 (hai) năm xem xét.

Điều 7. Điều kiện về thực hiện thủ tục hải quan, thủ tục thuế điện tử

1. Tại thời điểm cơ quan hải quan xem xét đánh giá, thẩm định, doanh nghiệp đã thực hiện thủ tục hải quan điện tử với cơ quan hải quan, thủ tục thuế điện tử với cơ quan thuế.

2. Doanh nghiệp có hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu trao đổi dữ liệu điện tử giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan.

Điều 8. Điều kiện về độ tin cậy

1. Cơ quan hải quan xác định độ tin cậy về sự tuân thủ pháp luật trong tương lai của doanh nghiệp căn cứ vào các tiêu chí về bộ máy kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp, cơ chế kiểm soát tài chính, việc hợp tác của doanh nghiệp với cơ quan hải quan, cơ quan quản lý thuế (theo bộ tiêu chí đánh giá của Tổng cục Hải quan).

2. Đối với doanh nghiệp đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 3 đến Điều 7 Thông tư này, nhưng cơ quan hải quan chưa có đủ cơ sở để xác định độ tin cậy về sự tuân thủ pháp luật trong tương lai của doanh nghiệp thì chưa công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

Điều 9. Tự nguyện đề nghị được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên

1. Doanh nghiệp có yêu cầu được áp dụng chế độ ưu tiên, tự đối chiếu với các điều kiện, có văn bản đề nghị Tổng cục Hải quan xét, công nhận là doanh nghiệp ưu tiên và cam kết tuân thủ tốt các quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp có trách nhiệm xây dựng các chương trình, kế hoạch, sắp xếp bộ máy, nhân sự, đầu tư phương tiện, thiết bị để đảm bảo đáp ứng đủ và duy trì được các điều kiện quy định đối với doanh nghiệp ưu tiên.

Chương III
THỦ TỤC THẨM ĐỊNH, CÔNG NHẬN, GIA HẠN, TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 10. Thẩm quyền công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan có thẩm quyền quyết định việc công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên.

2. Cục Kiểm tra sau thông quan chủ trì, giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan trong việc thẩm định điều kiện, công nhận, gia hạn, tạm đình chỉ, đình chỉ và quản lý doanh nghiệp ưu tiên.

3. Các đơn vị thuộc Tổng cục Hải quan, Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm phối hợp, cung cấp thông tin, nhận xét, đánh giá về quá trình chấp hành pháp luật, tình hình hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp.

Điều 11. Hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên

1. Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) là đơn vị tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

2. Hồ sơ gồm:

2.1. Văn bản đề nghị: 01 bản chính (theo mẫu 01/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này) trong đó doanh nghiệp tự xác định, đề nghị loại doanh nghiệp ưu tiên.

2.2. Báo cáo tình hình, thống kê số liệu xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp trong 02 năm gần nhất: 01 bản chính.

Thời gian thống kê là trọn năm, từ ngày 01/01 đến 31/12 của năm. Đối với năm đang thực hiện: nếu mới thực hiện được từ 6 tháng trở xuống thì lấy số liệu của 2 năm trở về trước; nếu đã thực hiện trên 6 tháng thì lấy số liệu các tháng đã thực hiện và dự tính số liệu cả năm (theo mẫu 02/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

2.3. Báo cáo chấp hành pháp luật 02 năm gần nhất (nếu bị xử lý vi phạm thì nêu rõ số lần, hành vi, hình thức xử phạt, mức xử phạt, cấp xử phạt, tình hình chấp hành quyết định xử phạt): Nộp 01 bản chính;

2.4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán 02 năm gần nhất: Nộp 01 bản sao có xác nhận của doanh nghiệp.

2.5. Bản kết luận kiểm toán và thanh tra (nếu có) gần nhất (không quá 01 năm): Nộp 01 bản sao có xác nhận của doanh nghiệp, xuất trình bản chính;

2.6. Bản tự phân tích, đánh giá hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp;

2.7. Bản tự đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp; quy trình tác nghiệp nội bộ, trong đó mô tả đầy đủ quy trình tác nghiệp nghiệp vụ của tất cả các bộ phận liên quan trong chuỗi cung ứng (như bộ phận liên quan tới thủ tục xuất nhập khẩu: logistic, kế toán, mua hàng, bán hàng, quản lý chất lượng sản phẩm).

2.8. Các giấy tờ khác mà doanh nghiệp thấy cần thiết cung cấp cho cơ quan hải quan, hỗ trợ cơ quan hải quan trong quá trình thẩm định (như các giấy chứng nhận khen thưởng, chứng nhận quốc tế và quốc gia, các tiêu chuẩn quản lý áp dụng).

Điều 12. Thẩm định điều kiện doanh nghiệp ưu tiên

1. Đối tượng thẩm định: Là doanh nghiệp và các chi nhánh, công ty con hạch toán phụ thuộc.

2. Hình thức thẩm định bao gồm thẩm định hồ sơ và thẩm định thực tế.

2.1. Thẩm định hồ sơ được thực hiện:

- Trên cơ sở hồ sơ doanh nghiệp cung cấp, tra cứu cơ sở dữ liệu và các nguồn thông tin khác về quá trình chấp hành pháp luật hải quan và kim ngạch xuất nhập khẩu của doanh nghiệp.

- Ý kiến đánh giá, nhận xét của các cơ quan liên quan bao gồm:

+ Cơ quan đánh giá việc tuân thủ pháp luật hải quan (bao gồm cả việc chấp hành pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất nhập khẩu) là Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính, nơi doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu và các đơn vị trực thuộc Tổng cục Hải quan.

+ Cơ quan thẩm định mã số hàng hóa xuất nhập khẩu là Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính. Mã số các mặt hàng doanh nghiệp đã xuất khẩu, nhập khẩu (trừ mặt hàng nhập khẩu theo loại hình không thuộc diện chịu thuế như nhập chế xuất, xuất chế xuất) đã được doanh nghiệp và Cục Hải quan tỉnh, thành phố thẩm định, thống nhất là căn cứ đưa vào Bản ghi nhớ để doanh nghiệp sử dụng khai hải quan khi làm thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu trên phạm vi toàn quốc.

+ Cơ quan xác nhận việc tuân thủ pháp luật về thuế nội địa và thực hiện thủ tục thuế điện tử là cơ quan thuế nơi doanh nghiệp đăng ký, thực hiện nghĩa vụ nộp các khoản thuế nội địa.

+ Các cơ quan đánh giá sự tuân thủ pháp luật theo đúng chức năng, thẩm quyền của mình. Trong thời gian 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Tổng cục Hải quan, các cơ quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Chương II Thông tư này thì Tổng cục Hải quan có văn bản trả lời doanh nghiệp.

2.2. Thẩm định thực tế: Việc thẩm định thực tế do Cục Kiểm tra sau thông quan trực tiếp thực hiện hoặc phối hợp với Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thực hiện.

Việc thẩm định thực tế thực hiện sau khi kết quả thẩm định hồ sơ doanh nghiệp đáp ứng điều kiện quy định hoặc tiến hành đồng thời với quá trình thẩm định hồ sơ, nội dung gồm:

- Đánh giá sự tuân thủ pháp luật hải quan, pháp luật thuế đối với hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp;

- Đánh giá khả năng kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp;

- Kiểm tra hạ tầng kỹ thuật ứng dụng công nghệ thông tin của doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu kết nối, trao đổi dữ liệu điện tử giữa doanh nghiệp và cơ quan hải quan, cơ quan thuế.

3. Xử lý kết quả thẩm định:

Căn cứ kết quả thẩm định; ý kiến đánh giá của các đơn vị, cơ quan trong, ngoài ngành; các kết luận kiểm toán và thanh tra (nếu có); các thông tin khác thu thập được; đối chiếu với các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên quy định từ Điều 3 đến Điều 9, Chương II Thông tư này, Cục Kiểm tra sau thông quan lập báo cáo đánh giá, trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định.

4. Thời gian xem xét công nhận doanh nghiệp ưu tiên không quá 45 (bốn mươi lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ. Đối với các trường hợp phức tạp, doanh nghiệp lớn thì có thể gia hạn một lần nhưng không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc. Trường hợp doanh nghiệp được đánh giá là không đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên thì Tổng cục Hải quan có văn bản thông báo cho doanh nghiệp biết.

Điều 13. Lập bản ghi nhớ

1. Trường hợp doanh nghiệp được đánh giá là đáp ứng các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên, được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan chấp thuận thì Cục Kiểm tra sau thông quan và doanh nghiệp tiến hành lập bản ghi nhớ (mẫu 03/DNUT) trình Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký bản ghi nhớ (MOU).

2. Bản ghi nhớ ngoài các nội dung khác tùy theo đặc điểm, tình hình hoạt động của từng doanh nghiệp, phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên, địa chỉ, điện thoại, fax, e-mail của doanh nghiệp;

- Loại doanh nghiệp ưu tiên;

- Trách nhiệm của doanh nghiệp;

- Trách nhiệm của Tổng cục Hải quan;

- Thống nhất về xác định mã số các mặt hàng doanh nghiệp đã xuất khẩu, nhập khẩu (trừ mặt hàng nhập khẩu theo loại hình không thuộc diện chịu thuế như nhập chế xuất, xuất chế xuất).

Điều 14. Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên

1. Người ký quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên là Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan.

2. Thời hạn ban hành quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.

3. Mẫu Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên ban hành kèm theo Thông tư này (mẫu 04/DNUT).

Điều 15. Đánh giá lại, gia hạn

1[3]. *Thời hạn doanh nghiệp được hưởng chế độ ưu tiên lần đầu là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ký Quyết định áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp. Sau thời hạn này, Tổng cục Hải quan thực hiện đánh giá lại, nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng các điều kiện quy định thì được gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên.*

2. Trước 60 (sáu mươi) ngày tính đến ngày hết hiệu lực của Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên, Tổng cục Hải quan thông báo để doanh nghiệp có đơn đề nghị gia hạn chế độ ưu tiên.

3. Thủ tục đánh giá lại:

- Thẩm định hồ sơ như quy định tại điểm 2.1 Điều 12 Thông tư này.

- Thẩm định thực tế được thực hiện theo nguyên tắc quản lý rủi ro.

Thời gian xem xét, đánh giá lại không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc. Trường hợp đến ngày hết hiệu lực của Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên mà thủ tục đánh giá lại, công nhận lại chưa hoàn thành thì doanh nghiệp vẫn được áp dụng đầy đủ mọi chế độ ưu tiên.

4. Nếu kết quả đánh giá lại doanh nghiệp vẫn đáp ứng điều kiện quy định thì Tổng cục Hải quan căn cứ vào mức độ tuân thủ pháp luật của doanh nghiệp, ban hành quyết định gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với doanh nghiệp trong thời hạn từ 36 (ba mươi sáu) đến 60 (sáu mươi) tháng tiếp theo theo mẫu 05/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này):

---

[3] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại Điều 1 Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013.

- 60 (sáu mươi) tháng đối với các doanh nghiệp không có vi phạm bị xử lý hoặc có 01 (một) vi phạm trong mỗi lĩnh vực thuế, hải quan và bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền không vượt quá thẩm quyền của Chi cục trưởng;

- 36 (ba mươi sáu) tháng đối với các doanh nghiệp ưu tiên có nhiều hơn 01 vi phạm trong mỗi lĩnh vực thuế, hải quan và bị xử phạt vi phạm hành chính với mức phạt tiền mỗi lần không vượt quá thẩm quyền của Chi cục trưởng, nhưng vẫn đáp ứng được điều kiện tuân thủ pháp luật theo quy định tại Điều 3 Thông tư này.

Điều 16. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét ra quyết định tạm đình chỉ chế độ ưu tiên quy định tại Chương IV Thông tư này khi xác định doanh nghiệp có một trong các vi phạm sau đây:

1.1. Doanh nghiệp vi phạm một trong các quy định tại Điều 3 Thông tư này.

1.2. Doanh nghiệp không đáp ứng quy định tại Điều 8 Thông tư này.

2. Thời gian tạm đình chỉ từ 60 (sáu mươi) đến 180 (một trăm tám mươi) ngày. Trong trường hợp có lý do chính đáng (do nguyên nhân khách quan), hết thời hạn trên mà doanh nghiệp vẫn chưa khắc phục xong sai sót thì được gia hạn thời hạn tạm đình chỉ một lần nhưng không quá 60 (sáu mươi) ngày.

Trên cơ sở báo cáo đánh giá vi phạm của Cục Hải quan tỉnh, thành phố liên quan, báo cáo làm rõ của doanh nghiệp (nêu rõ biện pháp cải tiến, cách thức thực hiện các khuyến nghị của cơ quan hải quan), nếu doanh nghiệp vẫn đáp ứng đầy đủ các điều kiện doanh nghiệp ưu tiên hoặc sau khi các cơ quan chức năng liên quan đánh giá hành vi vi phạm của doanh nghiệp vẫn đáp ứng điều kiện tuân thủ pháp luật theo quy định tại Điều 3 Thông tư này thì Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét quyết định huỷ Quyết định tạm đình chỉ.

3. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan nếu phát hiện doanh nghiệp có vi phạm thì báo cáo Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan) để xem xét, quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên (mẫu 06/DNUT), Quyết định hủy Quyết định tạm đình chỉ (mẫu 07/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

Điều 17. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét ra quyết định đình chỉ chế độ ưu tiên quy định tại Chương IV Thông tư này (mẫu 08/DNUT) trong các trường hợp sau đây:

1.1. Doanh nghiệp không còn đáp ứng các điều kiện về doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.

1.2. Doanh nghiệp không khắc phục được các sai sót, vi phạm đã được cơ quan hải quan thông báo; hết thời hạn tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên mà doanh nghiệp không khắc phục được sai sót, khiếm khuyết.

1.3. Doanh nghiệp xin rút khỏi chế độ ưu tiên; hoặc hết thời hạn công nhận mà doanh nghiệp không đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

2. Trường hợp doanh nghiệp đã bị đình chỉ chế độ ưu tiên thì trong 02 (hai) năm tiếp theo không được Tổng cục Hải quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

Chương IV
CHẾ ĐỘ ƯU TIÊN

Điều 18. Các ưu tiên trong giai đoạn thông quan

1. Miễn kiểm tra hồ sơ hải quan, miễn kiểm tra thực tế hàng hóa (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng):

- Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cơ quan hải quan về tính hợp pháp, hợp lệ, nội dung khai hải quan.

- Miễn kiểm tra thực tế hàng hóa gồm miễn kiểm tra thủ công và miễn kiểm tra bằng máy móc, thiết bị. Trường hợp phải kiểm tra thì được kiểm tra trước, kiểm tra bằng phương tiện kỹ thuật, được yêu cầu kiểm tra hàng hóa tại địa điểm do doanh nghiệp lựa chọn.

2. Được sử dụng bộ chứng từ bao gồm hóa đơn thương mại, giấy đóng gói hàng hóa, lệnh giao hàng và bản tự kê khai thuế đóng dấu, ký tên của đại diện doanh nghiệp để thông quan hàng hóa trong trường hợp hệ thống dữ liệu của cơ quan hải quan gặp sự cố hoặc tạm dừng hoạt động.

Trong trường hợp này, Chi cục Hải quan nơi đăng ký tờ khai có hệ thống điện tử gặp sự cố, tạm dừng hoạt động có trách nhiệm thông báo cho Chi cục Hải quan cửa khẩu nơi thông quan hàng hóa biết để phối hợp thực hiện.

3. Không phải đăng ký với cơ quan hải quan định mức tiêu hao nguyên vật liệu, không phải nộp báo cáo thanh khoản với cơ quan hải quan với điều kiện doanh nghiệp có phần mềm quản lý hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu đáp ứng được yêu cầu quản lý, kiểm tra của cơ quan hải quan.

Định kỳ hàng quý doanh nghiệp phải nộp cho cơ quan hải quan báo cáo xuất - nhập - tồn nguyên vật liệu nhập khẩu trên cơ sở định mức doanh nghiệp tự xây dựng. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của định mức tự xây dựng.

Điều 19. Các ưu tiên trong giai đoạn sau thông quan

1. Trong thời gian doanh nghiệp được áp dụng chế độ ưu tiên, cơ quan hải quan không kiểm tra sau thông quan tại trụ sở doanh nghiệp (trừ trường hợp có dấu hiệu vi phạm rõ ràng).

Trong trường hợp được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề cần được làm rõ thì doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra lại, giải trình với cơ quan hải quan. Hình thức giải trình, địa điểm giải trình thực hiện theo quy định tại Điều 145 Thông tư số 194/2010/TT-BTC ngày 06/12/2010 của Bộ Tài chính.

2. Kiểm tra để phục vụ cho việc công nhận, gia hạn hoặc đình chỉ chế độ ưu tiên. Phạm vi, nội dung kiểm tra tùy theo yêu cầu quản lý theo dõi của cơ quan hải quan.

Điều 20. Khai hải quan một lần

1. Việc khai tờ khai một lần và thời hạn thanh khoản tờ khai một lần thực hiện theo quy định tại Điều 9, Nghị định số 154/2005/ND-CP ngày 15/12/2005 của Chính phủ.

2. Doanh nghiệp ưu tiên được khai hải quan một lần dưới hai hình thức:

- Đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới, qua cửa khẩu thì thực hiện khai hải quan trước, xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa sau;

- Đối với hàng hóa nhập khẩu tại chỗ; nguyên liệu linh kiện phụ tùng phục vụ sản xuất của doanh nghiệp mua từ kho ngoại quan được thực hiện nhập khẩu hàng hóa trước (có sự giám sát của cơ quan hải quan, giám sát bằng biên bản giao nhận hàng hóa giữa doanh nghiệp và chủ kho ngoại quan), khai hải quan sau.

Điều 21. Ưu tiên các thủ tục về thuế

1. Được ưu tiên áp dụng chế độ tự thanh khoản, hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

Doanh nghiệp tự tính toán số lượng hàng hóa thực tế đưa vào sản xuất, hàng hóa còn tồn, tự tính số thuế phải nộp bổ sung hoặc số thuế không phải nộp. Doanh nghiệp chịu trách nhiệm trước pháp luật và cơ quan hải quan về nội dung thanh khoản. Căn cứ trên kết quả tự thanh khoản của doanh nghiệp, cơ quan hải quan ra quyết định thanh khoản, hoàn thuế, không thu thuế.

2. Không phải nộp tiền chậm nộp, không bị xử lý vi phạm hành chính về hải quan, về thuế đối với các trường hợp bị ấn định thuế do mã số hàng hóa đã được cơ quan hải quan thống nhất, thẩm định trước đó không đúng và doanh nghiệp vẫn được coi là tuân thủ pháp luật.

Chương V
QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP ƯU TIÊN

Điều 22. Trách nhiệm của cơ quan hải quan

1. Cục Kiểm tra sau thông quan là đơn vị chuyên trách giúp Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

1.1. Tham mưu xây dựng, hoàn chỉnh chế độ ưu tiên.

1.2. Chủ trì thẩm định, tổ chức lấy ý kiến các đơn vị, cơ quan liên quan.

1.3. Thực hiện chế độ khảo sát định kỳ hàng năm để đánh giá việc duy trì các điều kiện của doanh nghiệp ưu tiên.

1.4. Đầu mối tham mưu xử lý các vấn đề phát sinh; tham mưu hợp tác quốc tế về doanh nghiệp ưu tiên.

1.5. Phân công, thông báo tới doanh nghiệp ưu tiên danh sách công chức hải quan chuyên quản lý doanh nghiệp ưu tiên.

Thường xuyên theo dõi, thu thập, phân tích tình hình hoạt động, số liệu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp để giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực tuân thủ pháp luật, phát hiện sớm các sai sót để kịp thời khắc phục. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có sai sót hoặc phát hiện vấn đề cần được làm rõ thì thông báo cho doanh nghiệp biết để tự kiểm tra lại:

- Nếu doanh nghiệp công nhận phát hiện của cơ quan hải quan là đúng thì yêu cầu doanh nghiệp tự khắc phục (như khai bổ sung; bổ sung chứng từ; nộp thuế bổ sung).

- Nếu doanh nghiệp chưa thống nhất với thông báo của cơ quan hải quan thì doanh nghiệp có văn bản (kèm chứng từ, tài liệu chứng minh) giải trình.

1.6. Sẵn sàng đáp ứng, giải thích các yêu cầu của doanh nghiệp về chính sách, pháp luật hải quan, pháp luật thuế.

1.7. Đào tạo kiến thức về doanh nghiệp ưu tiên cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố và đầu mối của các doanh nghiệp được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên.

2. Tại Cục Hải quan tỉnh, thành phố, tùy số lượng doanh nghiệp ưu tiên trên địa bàn để phân công một nhóm công chức thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

2.1. Hướng dẫn doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên.

2.2. Tổ chức kiểm tra thực tế các điều kiện của doanh nghiệp theo yêu cầu của Tổng cục Hải quan (Cục Kiểm tra sau thông quan).

2.3. Lập báo cáo đánh giá về doanh nghiệp.

2.4. Thường xuyên theo dõi hoạt động xuất nhập khẩu của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp duy trì các điều kiện và kịp thời phát hiện, khắc phục các sai sót. Định kỳ báo cáo kết quả theo dõi doanh nghiệp về Tổng cục Hải quan.

2.5. Phối hợp với doanh nghiệp xử lý các vấn đề phát sinh trong phạm vi địa bàn do Cục Hải quan tỉnh, thành phố quản lý.

Điều 23. Trách nhiệm của doanh nghiệp ưu tiên

1. Tuân thủ tốt pháp luật.

2. Thành lập một bộ phận hoặc chỉ định người chuyên trách về thực hiện chế độ ưu tiên. Bộ phận này có nhiệm vụ: là đầu mối trao đổi, cung cấp thông tin, phối hợp với bộ phận chuyên trách doanh nghiệp ưu tiên của cơ quan hải quan; thực hiện chế độ báo cáo; điều phối mọi hoạt động của doanh nghiệp theo chế độ ưu tiên.

3. Xây dựng và thực hiện chế độ thường xuyên tự kiểm tra và báo cáo kết quả hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu với Tổng cục Hải quan. Định kỳ cung cấp tình hình, số liệu về hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho cơ quan hải quan:

- Định kỳ hàng quý, doanh nghiệp cung cấp cho Tổng cục Hải quan tình hình, số liệu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của quý trước (theo mẫu 09a/DNUT, 09b/DNUT ban hành kèm theo Thông tư này).

- Cách thức cung cấp: Qua mạng vi tính được kết nối giữa Tổng cục Hải quan và doanh nghiệp.

4. Xây dựng, thông báo bằng văn bản cho cơ quan hải quan thông tin về bộ phận/Người đảm nhiệm vai trò đầu mối liên lạc chuyên trách của doanh nghiệp.

5. Chịu trách nhiệm thực hiện chế độ trao đổi thông tin thường xuyên với cơ quan hải quan. Sẵn sàng phối hợp, làm rõ các nghi vấn theo yêu cầu của cơ quan hải quan hoặc công chức hải quan chuyên trách quản lý doanh nghiệp.

6. Thường xuyên thực hiện việc tự kiểm tra, phát hiện, khắc phục sai sót. Trường hợp phát sinh mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu mới chưa được hai bên thống nhất mã số thì doanh nghiệp đề xuất mã số mặt hàng, thông báo cho Cục Hải quan tỉnh, thành phố nơi doanh nghiệp có trụ sở chính xem xét, thống nhất.

7. Hợp tác tốt với cơ quan hải quan khi cơ quan hải quan kiểm tra. Khi được cơ quan hải quan thông báo những sai sót hoặc những vấn đề chưa rõ trong hồ sơ hải quan, doanh nghiệp có trách nhiệm kiểm tra lại, trả lời, giải trình đầy đủ, kịp thời những vấn đề cơ quan hải quan thông báo.

8. Trong trường hợp cơ quan hải quan thực hiện kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đề nghị cơ quan hải quan đến làm việc về những vấn đề chưa rõ, doanh nghiệp có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi, hợp tác đầy đủ với đoàn kiểm tra; những vấn đề có ý kiến khác nhau thì cùng tìm phương án giải quyết phù hợp quy định của pháp luật.

9. Trước khi thực hiện chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp ưu tiên có trách nhiệm thông báo cho Tổng cục Hải quan, Chi cục hải quan nơi làm thủ tục cho hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu của doanh nghiệp về đại lý làm thủ tục hải quan cho hàng hóa xuất nhập khẩu của doanh nghiệp và cam kết về sự tuân thủ pháp luật của đại lý. Trường hợp thay đổi đại lý làm thủ tục hải quan thì cần phải thông báo cho cơ quan hải quan nói trên biết. Doanh nghiệp ưu tiên phải thường xuyên kiểm tra việc tuân thủ pháp luật của đại lý làm thủ tục hải quan để phát hiện sai sót (nếu có) và thông báo ngay cho cơ quan hải quan.

Chương VI
XỬ LÝ VI PHẠM, KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 24. Xử lý vi phạm

1. Doanh nghiệp ưu tiên nếu vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân lợi dụng chế độ ưu tiên này để vi phạm chính sách, pháp luật; nếu vi phạm thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Khiếu nại, tố cáo

1. Mọi cá nhân, tổ chức có quyền khiếu nại; mọi công dân có quyền tố cáo những vi phạm pháp luật trong quá trình thực hiện Thông tư này.

2. Việc khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 26. Trách nhiệm thực hiện

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan căn cứ vào quy định tại Thông tư này chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện.

2. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan để đảm bảo thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả các quy định tại Thông tư này.

Điều 27. Hiệu lực thi hành[4]

1. Thông tư này thay thế Thông tư số 63/2011/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2011 và Thông tư số 105/2011/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài chính, có hiệu lực thi hành sau 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày ký[5].

2. Những doanh nghiệp ưu tiên đang được áp dụng theo Thông tư số 63/2011/TT-BTC ngày 13 tháng 5 năm 2011 và Thông tư số 105/2011/TT-BTC ngày 12 tháng 7 năm 2011 của Bộ Tài chính được tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư này.

---

[4] Điều 3 Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 ngày 9 tháng 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013, quy định như sau:

*"**Điều 3: Hiệu lực thi hành***

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013./."

[5] Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2013.

Việc đánh giá lại, gia hạn đối với những doanh nghiệp này thực hiện theo quy định tại Điều 15 Thông tư này. Trường hợp doanh nghiệp ưu tiên có yêu cầu chuyển đổi loại doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 2 Thông tư, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét quyết định, thủ tục thẩm định quy định tại Thông tư này./.

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 49/VBHN-BTC

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 12 tháng 11 năm 2014

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Mẫu 01/DNUT

Tên công ty.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
V/v đề nghị áp dụng chế độ ưu tiên	*....., ngày.... tháng..... năm....*

Kính gửi: Tổng cục Hải quan

Tên công ty .....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Số ĐT:.....; số FAX:.....

E-mail:.....

Giấy phép thành lập/Giấy chứng nhận đầu tư số:.....; ngày cấp:.....; cơ quan cấp:.....

Giấy chứng nhận đăng ký KD số:....; ngày cấp:.....; cơ quan cấp: .....

Ngành nghề kinh doanh: .....

Loại hình KD XK, NK: .....

Mặt hàng KD XK, NK:.....

Căn cứ điều kiện doanh nghiệp ưu tiên quy định tại các Điều 3 đến Điều 9 Thông tư số...../...../TT-BTC ngày.... tháng.... năm..... của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện; Công ty..... đã tự đánh giá, đối chiếu với quy định trên đây, nhận thấy có đủ điều kiện để được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên theo khoản... Điều 2 Thông tư số...

Công ty..... xin đảm bảo và chịu trách nhiệm trước pháp luật là những tài liệu gửi kèm công văn này là trung thực, chính xác, cam kết chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của Thông tư số..../..../TT-BTC.

Đề nghị Tổng cục Hải quan xem xét, quyết định công nhận Công ty..... là doanh nghiệp ưu tiên./.

Hồ sơ gửi kèm:

- Theo quy định tại Điều 11 Thông tư này;
- Danh sách các công ty con, chi nhánh hạch toán phụ thuộc (nếu có).

Nơi nhận: - Tổng cục Hải quan; - Lưu:...	**GIÁM ĐỐC** *(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 02/DNUT

Tên công ty:....
Mã số thuế:.....

BÁO CÁO TÌNH HÌNH, THỐNG KÊ SỐ LIỆU XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU 02 NĂM

(Từ ngày..... tháng.... năm.... đến ngày... tháng... năm...)

I. TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

1) Các mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu chính:

2) Đại lý làm thủ tục hải quan cho doanh nghiệp (tên, địa chỉ):

3) Các hình thức thanh toán hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

4) Các ngân hàng thanh toán, tên , số hiệu tài khoản tại ngân hàng:

5) Phần mềm kế toán doanh nghiệp đang sử dụng:

6) Áp dụng chế độ kiểm soát tài chính nội bộ: Có: □ Chưa: □

7) Tình hình chấp hành quy định của pháp luật về kế toán (02 năm gần nhất)

8) Tình hình chấp hành pháp luật (02 năm gần nhất) theo quy định tại Điều 3 Thông tư..../.../TT-BTC.

II.THỐNG KÊ SỐ LIỆU XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU

STT	Năm báo cáo	Số liệu hàng hóa XK			Số liệu hàng hóa NK		Số tiền thuế đã nộp					Tổng số tiền thuế đã nộp	Lợi nhuận sau thuế	Ghi chú
		Tên hàng chính	Xuất xứ	Kim ngạch (USD)	Tên hàng chính	Kim ngạch (USD)	Thuế XK	Thuế NK	Thuế GTGT	Thuế TTĐB	Thuế TNDN			
1	20...													
2	20...													
3	20...													

(Trường hợp có hoạt động xuất nhập khẩu ủy thác, số liệu xuất nhập khẩu phải tách riêng kim ngạch)

... ngày,.... tháng.... năm.....

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 03/DNUT[6]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../BGN/TCHQ-DN

BẢN GHI NHỚ
Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

Hôm nay, ngày... tháng... năm... tại trụ sở Tổng cục Hải quan - Lô E3, khu đô thị mới Cầu Giấy, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, đại diện Tổng cục Hải quan (bên A) và đại diện Công ty... (Bên B) (trong văn bản này gọi tắt là Hai bên):

Bên A: **Tổng cục Hải quan**

Địa chỉ: Lô E3, khu đô thị mới Cầu Giấy, đường Dương Đình Nghệ, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cố định: 04.44520606; số FAX: 04.39440641.

E-Mail: tongcuchaiquan@customs.gov.vn

Đại diện: Ông...; chức vụ:....

Bên B: **Công ty...**

Địa chỉ:.....

Mã số thuế:.....

Điện thoại cố định:.....

Fax:.....

Website:.....

Giấy chứng nhận đầu tư số... do... cấp ngày...

Đại diện theo pháp luật: Ông...; chức vụ:...;

Email:...

Số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu:... cấp ngày...

[6] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013.

Căn cứ Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 26/7/2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện và Thông tư số..../..../TT-BTC ngày... tháng.... năm... sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC (sau đây gọi tắt là Thông tư); hồ sơ đề nghị công nhận là doanh nghiệp ưu tiên của Công ty.... và kết quả thẩm định của....., Hai bên đã thảo luận và thống nhất như sau:

Điều 1. Bên A công nhận bên B đủ điều kiện áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Thông tư; bên A là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 2. Bên A dành cho bên B được hưởng các ưu tiên quy định tại Chương IV Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 3. Bên A cam kết thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 22 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 4. Bên B cam kết thực hiện các trách nhiệm quy định tại Điều 23 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 5. Đến thời hạn đánh giá lại, gia hạn được quy định tại Điều 15 của Thông tư số 86/2013/TT-BTC mà bên B không còn đáp ứng điều kiện doanh nghiệp ưu tiên hoặc khi bên B đề nghị không tiếp tục áp dụng chế độ ưu tiên, bên A có quyền quyết định đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với bên B.

Điều 6. Hai bên thống nhất về xác định mã số các mặt hàng do bên B đã xuất nhập khẩu (tạo thành phụ lục kèm Bản ghi nhớ này). Mã số hàng hóa đã được Hai bên thống nhất là căn cứ để bên B khai hải quan khi làm thủ tục xuất nhập khẩu hàng hóa. Trong quá trình được công nhận chế độ ưu tiên, nếu phát sinh mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu mới, yêu cầu bên B tiếp tục bổ sung kịp thời.

Điều 7. Thời hạn thực hiện chế độ ưu tiên lần đầu mà bên A dành cho bên B là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày Tổng cục Hải quan ban hành Quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên. Sau thời hạn này, Hai bên đánh giá lại để xem xét việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 86/2013/TT-BTC.

Điều 8. Hai bên cam kết, sau khi bên B được công nhận là doanh nghiệp ưu tiên, mỗi bên sẽ tổ chức một bộ phận chuyên trách để thường xuyên phối hợp với nhau thực hiện nghiêm chỉnh, có hiệu quả nhất các trách nhiệm quy định và giải quyết các vấn đề phát sinh theo đúng quy định của pháp luật.

Đơn vị chuyên trách của bên A là Cục Kiểm tra sau thông quan, số điện thoại:.....; số Fax:.....; Email:.....

Đơn vị chuyên trách của bên B là..., số điện thoại:.....; số Fax:....., Email:.....

Điều 9. Việc cung cấp, trao đổi thông tin giữa Hai bên được thực hiện bằng đường điện tử. Trường hợp cần thiết phải có hồ sơ giấy thì bên A thông báo để bên B thực hiện. Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của thông tin cung cấp.

Điều 10. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định tại Thông tư số 86/2013/TT-BTC và Thông tư số.../.../TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC thống nhất tại Bản ghi nhớ này. Bản ghi nhớ này là cơ sở để Tổng cục Hải quan quyết định công nhận doanh nghiệp ưu tiên đối với bên B. Trong quá trình thực hiện thỏa thuận tại Bản ghi nhớ này, nếu có vấn đề phát sinh cần phải thống nhất lại thì Hai bên sẽ thảo luận, thống nhất sửa đổi, bổ sung Bản ghi nhớ này.

Bản ghi nhớ này được làm thành 2 (hai) bản chính bằng tiếng Việt, Tổng cục Hải quan giữ 01 bản, Công ty... giữ 01 bản và đều có giá trị như nhau./.

ĐẠI DIỆN CÔNG TY	**ĐẠI DIỆN TỔNG CỤC HẢI QUAN**
(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký tên, đóng dấu)	*(Ghi rõ họ tên, chức vụ, ký tên, đóng dấu)*

Mẫu 04/DNUT[7]

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... /QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận doanh nghiệp ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện và Thông tư số.../.../TT-BTC sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Bản ghi nhớ ngày... tháng... năm... giữa Tổng cục Hải quan và Công ty...

Xét hồ sơ đề nghị công nhận doanh nghiệp ưu tiên kèm theo văn bản số... ngày... tháng... năm... của Công ty...;

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận Công ty.....; Mã số thuế:.....; Địa chỉ:.....

Là doanh nghiệp ưu tiên theo quy định tại Điều 2 Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

---

[7] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013.

Điều 2. Công ty... có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Điều 23 Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính và các quy định liên quan của pháp luật.

Điều 3. Thời hạn áp dụng chế độ ưu tiên lần đầu là 03 năm (ba mươi sáu tháng) kể từ ngày ký Quyết định này. Sau thời hạn này, Tổng cục Hải quan sẽ đánh giá lại để xem xét gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 6. Công ty..., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Công ty... (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ(3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 05/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... /QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số.../... /TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của.....

Xét Tờ trình số... ngày... của Cục Kiểm tra sau thông quan về việc gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty...; Mã số thuế:...; Địa chỉ:...; Doanh nghiệp ưu tiên theo khoản... Điều 2 Thông tư số...

Thời gian gia hạn là.... tháng kể từ ngày... tháng... năm...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty..., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Công ty... (để t/hiện); - Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo); - Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện); - Cục Hải quan tỉnh, thành phố (để t/hiện); - Cục Thuế tỉnh... (để phối hợp); - Lưu: VT, KTSTQ(3b).	**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Mẫu 06/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... /QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số.../... /TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số... ngày... của Cục Kiểm tra sau thông quan về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty...; Mã số thuế:...; Địa chỉ:...; Doanh nghiệp ưu tiên theo khoản... Điều 2 Thông tư số...

Thời gian tạm đình chỉ là... tháng kể từ ngày ký quyết định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty..., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Công ty... (để t/hiện);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo);
- Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện);
- Cục Hải quan tỉnh, thành phố (để t/hiện);
- Cục Thuế tỉnh... (để phối hợp);
- Lưu: VT, KTSTQ(3b).

TỔNG CỤC TRƯỞNG

Mẫu 07/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số.../.../TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số... ngày... của Cục Kiểm tra sau thông quan về việc hủy Quyết định tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Hủy Quyết định số.../QĐ-TCHQ ngày... tháng... năm... của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc tạm đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty...; Mã số thuế:...; Địa chỉ:...; Doanh nghiệp ưu tiên theo khoản... Điều 2 Thông tư số...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty..., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Công ty... (để t/hiện); - Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo); - Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện); - Cục Hải quan tỉnh, thành phố (để t/hiện); - Cục Thuế tỉnh... (để phối hợp); - Lưu: VT, KTSTQ(3b).	**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Mẫu 08/DNUT

BỘ TÀI CHÍNH **TỔNG CỤC HẢI QUAN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../QĐ-TCHQ	*Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Hải quan số 29/2001/QH10 ngày 29/6/2001 và Luật số 42/2005/QH11 ngày 14/6/2005 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Hải quan;

Căn cứ Thông tư số.../... /TT-BTC ngày... tháng... năm... của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện;

Căn cứ Quyết định số 02/2010/QĐ-TTg ngày 15/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Xét Tờ trình số... ngày... của Cục Kiểm tra sau thông quan về việc đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên đối với Công ty...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Đình chỉ áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với Công ty...; Mã số thuế:...; Địa chỉ:...; Doanh nghiệp ưu tiên theo khoản... Điều 2 Thông tư số...

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty..., Cục trưởng Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục trưởng Cục Hải quan tỉnh, thành phố có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: - Công ty... (để t/hiện); - Các Phó Tổng cục trưởng (để chỉ đạo); - Các đơn vị thuộc Tổng cục (để t/hiện); - Cục Hải quan tỉnh, thành phố (để t/hiện); - Cục Thuế tỉnh... (để phối hợp); - Lưu: VT, KTSTQ(3b).	**TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Mẫu 09a/DNUT

Tên Công ty…..
Mã số thuế….

BÁO CÁO SỐ LIỆU, TÌNH HÌNH XUẤT KHẨU QUÝ…. NĂM…

I. THỐNG KÊ SỐ LIỆU XUẤT KHẨU
(Theo từng loại hình xuất khẩu)

Số TT	Số, ngày, tháng, năm tờ khai	Tên hàng hóa	Mã số	Thuế suất	Trị giá (USD)	Xuất xứ	Số tiền thuế XK	Số tiền thuế GTGT	Số tiền thuế TTĐB (nếu có)	Tổng số tiền thuế các loại	Đơn vị hải quan làm thủ tục	Ghi chú
Tổng số	-			-			-	-	-	-		

II. TÌNH HÌNH

1) Tình hình chấp hành pháp luật:

2) Các vướng mắc, kiến nghị:

…, ngày… tháng… năm….

Người lập
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu 09b/DNUT[8]

Tên Công ty…..
Mã số thuế….

BÁO CÁO SỐ LIỆU, TÌNH HÌNH NHẬP KHẨU QUÝ…. NĂM…

I. THỐNG KÊ SỐ LIỆU NHẬP KHẨU
(Theo từng loại hình nhập khẩu)

Số TT	Số, ngày, tháng, năm tờ khai	Tên hàng hóa	Mã số	Thuế suất	Trị giá (USD)	Xuất xứ	Số tiền thuế NK	Số tiền thuế GTGT	Số tiền thuế TTĐB (nếu có)	Tổng số tiền thuế các loại	Đơn vị hải quan làm thủ tục	Ghi chú
Tổng số	-			-			-	-	-	-		

II. TÌNH HÌNH

1) Tình hình chấp hành pháp luật:

2) Các vướng mắc, kiến nghị:

…, ngày… tháng… năm….

Người lập
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

[8] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 133/2013/TT-BTC ngày 24 tháng 9 năm 2013 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 15 và các mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 86/2013/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định về việc áp dụng chế độ ưu tiên trong lĩnh vực quản lý nhà nước về hải quan đối với doanh nghiệp đủ điều kiện, có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2013.

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng